

Số: /QĐ-TTN

Thái Nguyên, ngày tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc công khai kinh phí thực hiện cắt giảm,
tiết kiệm 5% chi thường xuyên**

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM NƯỚC SINH HOẠT & VSMT NÔNG THÔN

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1212/QĐ-SNN ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Trung tâm Nước sinh hoạt và VSMT nông thôn về việc kinh phí thực hiện cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2027 của Chính Phủ;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Hành chính - tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu thực hiện cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên và không thường xuyên của Trung tâm Nước sinh hoạt và VSMT nông thôn theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2027 của Chính Phủ.

(Nội dung chi tiết theo biểu đính kèm).

Hình thức công khai:

Đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Trung tâm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp và trưởng các phòng liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở NN và PTNT(b/c);
- Lưu: VT, Kế toán.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Trường

Đơn vị: Trung tâm Nước sinh hoạt & VSMT nông thôn
Chương: 412

KINH PHÍ TIẾT KIỆM CHI THƯỜNG XUYÊN NGUỒN NSNN NĂM 2024
của Trung tâm Nước sinh hoạt và VSMT nông thôn
(kèm theo Quyết định số /QĐ- TTN ngày /11/2024)

Đvt: đồng

TT	Nội dung	Mã ĐV SDNS	Loại- Khoản	Tổng số	Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
I	CHI SỰ NGHIỆP	1072110	280.283	125.000.000	24.000.000	101.000.000
1	<i>Chi khác theo định mức</i>			24.000.000	24.000.000	
2	<i>Kinh phí chỉnh lý tài liệu lưu trữ</i>			374.200		374.200
3	<i>Kinh phí truyền thông, tuyên truyền, tập huấn, thực hiện một số nhiệm vụ chuyên môn khác.....</i>			6.000.000		6.000.000
3.1	Kiểm tra, rà soát, đánh giá, phân loại, lập phương án giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên			6.000.00		6.000.000
4	<i>Xây dựng phần mềm phục vụ quản lý hạ tầng nước sạch trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và thanh toán không dùng tiền mặt</i>			79.426.384		79.426.384
4.1	Xây dựng phần mềm phục vụ quản lý hạ tầng nước sạch trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên			38.168.973		38.168.973
4.2	Xây dựng hệ thống quản lý, thanh toán không dùng tiền mặt đối với các hộ dân sử dụng nước sạch từ các công trình cấp nước sinh hoạt do Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn quản lý			41.257.411		41.257.411
5	<i>Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản</i>			15.199.416		15.199.416